TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219 /2018/DS-PT
Ngày: 12/ 9/2018
V/v tranh chấp về hợp đồng góp vốn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hoàng

Các Thẩm phán: Ông Đinh Như Lâm;

Bà Nguyễn Thu Hồng.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà PH Thị Mai Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 12/9/2018, tại trụ sở TAND Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2018//TLPT-DS ngày 24/05/2018 về việc "Tranh chấp về hợp đồng góp vốn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2017/DS-ST ngày 27/12/2017 của TAND quận H.B.T, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 228/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Phan Mạnh C, sinh năm 1965. Trú tại: Căn hộ chung cư số 2410, tầng 24, tòa R1, dự án Goldmark City, 136 Hồ Tùng Mậu, phường P.D, quận B.T.L, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C: Luật sư Trần Việt H và Luật sư Nguyễn H. N - Văn phòng Luật sư Tr.V, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Công ty CPXLKT (*Trước đây là CTXLVTKT - Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn*). Trụ sở: Số 534 Minh Khai, phường VT, quận H.B.T, Thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Tr.Th -Tổng Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền của ông Tr. Th là bà Trương Thị TH. Theo Giấy ủy quyền số 73/GUQ ngày 16/02/2016. Có mặt.

3. *Người kháng cáo*: Ông Phan Mạnh C - Nguyên đơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

1. Nguyên đơn ông Phan Mạnh C trình bày:

Ngày 10/11/2003, ông và CTXLVTKT - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Nay là Công ty CPXLVTKT; sau đây viết tắt là Công ty CP Xây lắp) ký hợp đồng huy động vốn số 03/HĐ-XL với nội dung:

Ông góp cho Công ty CP Xây lắp một số tiền theo giá trị lô đất để nhận chuyển nhượng lô đất ở tại khu dân cư sông Tắc I, khóm Phước Trung, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà (nay đổi tên thành Khu đô thị An Bình Tân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà).

Vị trí lô đất mà ông sẽ nhận được từ Công ty CP Xây lắp có vị trí: Căn số 1A, lô số V15, diện tích 290m^2.

Việc góp vốn hai bên thống nhất chia làm 02 đợt:

Đợt 1: Góp 300.000đồng/m2

Đợt 2: Góp phần còn lại của lô đất được tính bằng 110% giá đất đã có cơ sở hạ tầng kỹ thuật do UBND tỉnh Khánh Hoà quy định trừ đi số tiền đã góp đợt 1 trước khi ký biên bản bàn giao quyền sử dụng lô đất.

Hai bên thống nhất sau khi UBND tỉnh Khánh Hoà ban hành đơn giá chi tiết cho dự án sông Tắc I thì hai bên sẽ căn cứ vào đó để tính giá trị lô đất. Trước hết, hai bên thoả thuận về mức huy động vốn ban đầu (đợt 1), số tiền ban đầu hai bên tạm tính là 300.000đồng /m^2 là tương đương khoảng 30% giá trị lô đất.

Ngay sau khi ký hợp đồng, ông đã nộp cho Công ty CP Xây lắp 191.090.000 đ.

Ngày 01/3/2004 UBND tỉnh Khánh Hoà đã phê duyệt đơn giá khu dân cư phía Tây khu dân cư sông Tắc I (theo tờ trình số 294/TC-VG của Sở Tài chính tỉnh Khánh Hoà) là 1.080.000đồng/m^2.

Như vậy số tiền ông phải trả cho Công ty CP Xây lắp đối với lô đất 290m^2 mà ông sẽ được giao là 290 m^2 x 1.080.000đồng/m^2x 110% = 344.520.000 đồng. Đối trừ với số tiền ông đã đóng (đợt 1) thì số tiền còn lại phải đóng (đợt 2) là 344.520.000 đồng - 191.090.000 đồng = 153.430.000đồng.

Dự án (Đổi đất lấy hạ tầng) Chỉnh trị hạ lưu sông Tắc, sông Quán Trường, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà được UBND tỉnh Khánh Hoà chấp thuận giao cho Công ty Xây lắp theo Quyết định số 3892 và 3893/QĐ-UB ngày 15/12/2003. Quá trình thực hiện hợp đồng ông đã nhiều lần liên lạc với Công ty CP Xây lắp để

hỏi kết quả thực hiện dự án, việc thực hiện hợp đồng góp vốn và đến Công ty để thương lượng giải quyết nhưng Công ty CP Xây lắp không thực hiện. Khoảng năm 2007- 2008 ông nghe nói dự án đổi đất lấy hạ tầng không thực hiện đượcơ, ông đã đề nghị Công ty hoàn lại tiền cho ông đã góp theo đúng nội dung hợp đồng đã ký nhưng Công ty trả lời không có tiền. Đến năm 2013 khi Công ty CP Xây lắp được giao đất để xây dựng khu đô thị mới tên là khu đô thị An Bình Tân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà, ông có đến gặp lãnh đạo Công ty đề nghị tiếp tục thực hiện hợp đồng nhưng không thống nhất được vì Công ty CP Xây lắp đề nghị áp dụng mức giá mới và thay đổi vị trí lô đất. Cũng có lần ông đã chấp nhận lô đất khác nhưng Công ty trả lời là đã bán cho người khác. Sau đó ông đồng ý lấy lô đất bên cạnh thì Công ty lại tăng giá nên ông không chấp nhận. Đến nay Công ty CP Xây lắp vẫn không giao đất cho ông, theo ông: lỗi này hoàn toàn thuộc về phía Công ty CP Xây lắp.

Công ty CP Xây lắp đã triển khai dự án, lô đất mà ông thỏa thuận trong hợp đồng đã được hoàn thiện về cơ bản. Nhưng Công ty CP Xây lắp không giao đất cho ông theo đúng hợp đồng góp vốn đã ký giữa hai bên. Nhiều lần ông liên hệ với Công ty CP Xây lắp để cùng giải quyết nhưng Công ty CP Xây lắp không thiện chí, ban hành nhiều văn bản gửi ông nhưng không thoả đáng, không đúng nội dung thoả thuận trong hợp đồng và trái quy định của pháp luật. Ông khởi kiện, đề nghị:

Buộc Công ty CP Xây lắp phải có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng góp vốn số 03/HĐ-XL ngày 10/11/2003, với nội dung là giao lô đất số V15, căn số 1A, diện tích 290m^2 cho ông theo đúng thoả thuận trong hợp đồng, ông nộp nốt số tiền 153.430.000đồng. Hoặc Công ty CP Xây lắp trả lại số tiền ông đã nộp và bồi thường cho ông theo quy định pháp luật.

2. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn - bà Truơng Thị TH trình bày:

Xác nhận việc ký kết Hợp đồng góp vốn giữa Công ty CP Xây lắp với ông C vào ngày 10/11/2003 đúng như nguyên đơn trình bày. Căn cứ để ký kết hợp đồng tại thời điểm đó là: Dự án chỉnh trị Sông Tắc, Sông Quán Truờng và dự án khu dân cư phía Tây khu dân cư sông Tắc 1 đã được UBND tỉnh Khánh Hòa chấp thuận về chủ trương: Giao Công ty CP Xây lắp ứng vốn thực hiện dự án, nếu thực hiện được dự án thì sẽ được thanh toán dự án bằng quĩ đất. Tại Quyết định số 818/QĐ-UB ngày 05/4/2005, UBND tỉnh Khánh Hòa giao đất dự án khu dân cư sông Tắc cho Công ty CP Xây lắp. Tuy nhiên: Đến ngày 12/4/2010 thì UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 951-UBND về việc huỷ bỏ quyết định giao đất số 818/QĐ-UB nêu trên. Trong thời gian từ 10/11/2003 đến 2005, dự án không được thực hiện do dự án

chỉnh trị sông Tắc bị vướng mắc thay đổi (Thông báo số 508/TB-UB ngày 11/10/2004, Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 07/6/2005 phê duyệt điều chỉnh dự án nghiên cứu khả thi dự án sông Tắc). Vì vậy hợp đồng góp vốn với ông C không thực hiện được do khách quan từ phía UBND tỉnh Khánh Hòa chứ không phải do Công ty CP Xây lắp không thực hiện.

Ngày 19/4/2010, UBND tỉnh Khánh Hoà ban hành Quyết định số 1882/UBND cho phép thực hiện dự án trên bằng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ và công trình thực hiện theo phương thức đấu thầu chứ không thực hiện theo như Quyết định 3007/QĐ-UB là thanh toán dự án bằng quĩ đất. Theo điều 4.1 của Hợp đồng số 03 đã ký thì do dự án chỉnh trị sông Tắc không được giao để thực hiện theo phương án "Đổi đất lấy hạ tầng" là nguyên nhân khách quan, Cty CP Xây lắp có trách nhiệm hoàn trả số tiền do ông C đã đóng cùng với lãi suất không kỳ hạn tại thời điểm thanh toán. Vì vậy, Công ty CP Xây lắp không có khả năng chấp nhận yêu cầu của ông C mà chỉ chấp nhận hoàn trả cho ông C số tiền mà ông C đã góp cùng với lãi suất không kỳ hạn tại thời điểm thanh toán (tự nguyện hỗ trợ số lãi suất này là 30.000.000 đồng).

Bản án sơ thẩm số 19/2017/DS-ST ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã quyết định:

1/ Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Phan Mạnh C đối với Công ty Cổ phần Xây lắp vật tư kỹ thuật về số tiền góp vốn.

2/ Hợp đồng huy động vốn số 03/HĐ-XL ngày 10/11/2003 giữa ông Phan Mạnh C với Công ty xây lắp vật tư kỹ thuật là vô hiệu.

3/ Buộc Công ty Cổ phần Xây lắp vật tư kỹ thuật phải trả cho ông Phan Mạnh C số tiền 191.090.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần Xây lắp vật tư kỹ thuật hỗ trợ cho ông Phan Mạnh C số tiền 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/01/2018, nguyên đơn - ông C có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Sửa bản án sơ thẩm, buộc Công ty CP Xây lắp phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 03/2003 mà hai bên đã ký kết.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Đề nghị buộc Công ty CP Xây lắp phải giao đất theo Hợp đồng hoặc phải trả lại ông cả gốc

và lãi suất phát sinh là 700.000.000 đồng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày quan điểm như ý kiến của nguyên đơn và đề nghị Tòa án xác định: Hợp đồng huy động vốn số 03/HĐ-XL ngày 10/11/2003 có hiệu lực. Đề nghị xác định thời hạn khởi kiện của ông C theo Thông báo số 31A/TB- TEMATCO ngày 02/7/2015.

Bị đơn: Giữ nguyên quan điểm đã trình bày trên và tự nguyện thanh toán tiền lãi suất phát sinh là 96.045.000 đồng.

Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xác định Hợp đồng huy động vốn số 03/HĐ-XL ngày 10/11/2003 chưa tuân thủ đầy đủ quy định tại các Điều: 394, 395, 400, 401 Bộ luật dân sự năm 1995 nên vô hiệu và lỗi chính là của Công ty CP Xây lắp. Cấp sơ thẩm chưa xác định lỗi của các bên. Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Hủy bản án sơ thẩm số 19/2017/DS-ST ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng. Giao Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Đơn kháng cáo và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, ông Phan Mạnh C đã nộp trong thời hạn luật định nên được xác định là kháng cáo hợp lệ.

Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu kháng cáo của ông C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1.1. Về Hợp đồng huy động vốn số 03/HĐ-XL ngày 10/11/2003.

Hợp đồng được giao kết tại thời điểm Bộ luật Dân sự 1995 đang có hiệu lực pháp luật, đã tuân thủ các quy định tại các Điều: 394, 395, 400, 401 Bộ luật dân sự năm 1995. Được xác định là Hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

Điều 1 của Hợp đồng các bên thỏa thuận: "*Bên B đồng ý góp cho bên A một số*

tiền theo giá trị (các) lô đất tại điều 1.2 để nhận quyền sử dụng (các) lô đất này ở tại khu dân cư sông Tắc I, khóm Phước Trung, phường Phước Long, thành phố Nha Trang nếu dự án "Chỉnh trị sông Tắc và sông Quán Trường để đổi lấy giá trị quyền sử dụng đất xây dựng khu đô thị mới" được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt và giao cho bên A".

Như vậy: Đối tượng của Hợp đồng huy động vốn số 03/HĐ-XL là "Quyền sử dụng đất" có được khi "*UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt và giao cho bên A*" thuộc trường hợp Hợp đồng có điều kiện mà do các bên tự thỏa thuận theo Điều 401Bộ luật dân sự năm 1995 quy định: " *Ngoài những nội dung chủ yếu nêu tại khoản này, trong hợp đồng có thể có các nội dung khác mà các bên thoả thuận*". Hợp đồng chỉ được thực hiện khi: Công ty CP Xây lắp được UBND tỉnh Khánh Hòa giao đất trong đó có lô đất thỏa thuận chuyển nhượng cho ông C.

Tuy nhiên: Dự án (Đổi đất lấy hạ tầng) Chỉnh trị hạ lưu sông Tắc, sông Quán Trường, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà mà UBND tỉnh Khánh Hoà dự kiến giao cho Công ty Xây lắp theo văn bản số 2302/UB ngày 29/7/2003; Quyết định số 3892/QĐ-UB; Quyết định số 3893/QĐ-UB ngày 15/12/2003 và Quyết định số 818/QĐ-UB ngày 05/4/2005 của UBND tỉnh Khánh Hoà không được thực hiện. Các Văn bản và Quyết định trên đã bị bãi bỏ theo Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 12/4/2010 của UBND tỉnh Khánh Hoà. Xác định đối tượng của Hợp đồng mà hai bên hướng tới trong Hợp đồng không còn. Các đương sự đều thừa nhận: Lô đất mà các bên hướng tới chuyển nhượng thì Công ty CP Xây lắp không được UBND tỉnh Khánh Hòa giao. Theo thỏa thuận của các bên tại Điều 1 của Hợp đồng huy động vốn số 03/HĐ-XL ngày 10/11/2003 nêu trên thì Hợp đồng góp vốn để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hình thành trong tương lai bị chấm dứt theo khoản 2 và khoản 5 Điều 418 Bộ luật dân sự năm 1995: " *2- Theo thoả thuận của các bên; 5- Hợp đồng không thể thực hiện được do đối tượng của hợp đồng không còn ...*":

Do Hợp đồng huy động vốn số 03/HĐ-XL ngày 10/11/2003 bị chấm dứt. Không có căn cứ chấp nhận việc ông C đề nghị Tòa án buộc Công ty CP Xây lắp phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng là: Giao lô đất số V15, căn số 1A, diện tích 290m^2 cho ông và ông trả tiếp số tiền còn lại.

2.1.2. Về thời hiệu chấm dứt Hợp đồng và thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn.

Thời hiệu chấm dứt Hợp đồng đã được xác định tại phần 2.1.1 nêu trên. Nghĩa là Hợp đồng bị chấm dứt kể từ khi xuất hiện điều kiện Công ty CP Xây lắp không được giao đối tượng của Hợp đồng- Không được giao Quyền sử dụng đất theo

phương thức đổi đất lấy hạ tầng.

Thời hạn khởi kiện của ông C được xác định kể từ khi Hợp đồng bị chấm dứt. Tuy nhiên, sau nhiều lần ông C yêu cầu, Công ty CP Xây lắp đã có nhiều văn bản mời ông C đến làm việc. Văn bản cuối cùng là Thông báo số 31A/TB- TEMATCO ngày 02/7/2015 mà ông C đã nhận được, xuất trình tại Tòa Phúc thẩm. Trong Thông báo này, Công ty CP Xây lắp đã nêu rõ " *.... Nếu quá thời hạn 60 ngày kể từ ngày ra Thông báo này mà khách hàng không đến làm việc thì sẽ được hiểu là khách hàng đã đơn phương hủy ngang Hợp đồng huy động vốn đã ký thỏa thuận*". Do ông C và bị đơn đều không xuất trình bất kỳ căn cứ nào xác định hai bên đã tiến hành làm việc sau khi Thông báo được ban hành. Ông C đã làm đơn khởi kiện đối với Công ty CP Xây lắp đề ngày 27/7/2015, điều này chứng tỏ ông C không đến hoặc có đến nhưng việc thương lượng Hợp đồng giữa hai bên theo Thông báo số 31A/TB- TEMATCO ngày 02/7/2015 không kết quả.

Theo Thông báo này nếu các bên không thỏa thuận được thì Hợp đồng huy động vốn bị chấm dứt kể từ khi hết thời hạn 60 ngày tức là kể từ ngày 03/9/2015. Tại thời điểm này, Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật nên cần áp dụng Bộ luật dân sự này để xác định thời hạn khởi kiện tranh chấp Hợp đồng.

Điều 427 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: "*Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Toà án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự là hai năm, kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân, các chủ thể khác bị xâm phạm*". Ngày 24/11/2015, ông C nộp đơn khởi kiện tại TAND quận H.B.T. Xác định ông C nộp đơn khởi kiện trong thời hạn khởi kiện. Việc Tòa cấp sơ thẩm xác định ông C khởi kiện khi hết thời hiệu khởi kiện là không chính xác.

2.1.3. Về nghĩa vụ khi Hợp đồng bị chấm dứt.

Nghĩa vụ của Công ty CP Xây lắp đối với ông C được xác định theo thỏa thuận của Hợp đồng và theo quy định của Bộ luật dân sự có hiệu lực tại thời điểm chấm dứt Hợp đồng là Bộ luật Dân sự năm 2005.

Theo điểm 4.1.2 Điều 4 của Hợp đồng huy động vốn số 03 ngày 10/11/2003 quy định: "*Bên A phải bàn giao diện tích và quyền sử dụng lô đất...Trong trường hợp bên A vi phạm hoặc trường hợp bên A không được giao thực hiện hoặc do một lý do nào đó không thực hiện được dự án trên, bên B có quyền hủy hợp đồng và được bên A hoàn lại phần tiền bên B đã đóng góp cộng thêm lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại thời điểm hoàn lại tiền, theo quy định của ngân hàng bên A nơi mở tài khoản*".

Như vậy: Công ty CP Xây lắp phải hoàn trả ông C toàn bộ số tiền đã góp vốn

là 191.090.000 đồng và lãi suất phát sinh. Lãi suất phát sinh được tính làm 02 giai đoạn cụ thể như sau:

*Giai đoạn 01 là giai đoạn chấm dứt Hợp đồng ngày 03/9/2015 (như nhận định trên) thì Công ty phải thanh toán ngay cả gốc và lãi suất cho ông C theo thỏa thuận tại điểm 4.1.2 Điều 4 Hợp đồng huy động vốn số 03 thì: Lãi suất được tính là "*lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại thời điểm trả tiền"*của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Ngân hàng mà Công ty CP Xây lắp mở tài khoản. Ngân hàng nông nghiệpvà phát triển nông thôn Việt Nam quy định lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tháng 9/2015 là 0,50%/ năm. Từ ngày 10/11/2003 (ngày ký hợp đồng và nộp tiền) đến ngày 03/09/2015 (ngày Hợp đồng chấm dứt) là 11 năm 9 tháng 23 ngày. Số tiền lãi giai đoạn này được tính là: (191.090.000 đồng x 0,50%/năm x 11 năm)+(191.090.000đồng x 0,50%/12tháng x 09 tháng) +(191.090.000 đồng x 0,50%/360ngày x 23 ngày) = 11.287.580,138888 đồng (làm tròn là 11.288.000 đồng).

* Giai đoạn 02: Ngày 03/9/2015 Hợp đồng bị chấm dứt thì Công ty CP Xây lắp phải trả ngay cả gốc và lãi cho ông C kể từ tiếp theo là ngày 04/9/2015. Do Công ty CP Xây lắp không trả tiền cho ông C ngay nên bị xác định chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền kể ngày 04/9/2015 đến ngày xét xử phúc thẩm 12/9/2018 là 03 năm 08 ngày. Tại thời điểm này Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực nên bị điều chỉnh bởi bộ luật này. Điều 290 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: "1. *Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thoả thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc* "; Khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005 : "*2. Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán ...*".

Lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tại thời điểm này là 9%/năm. Do vậy: Công ty CP Xây lắp phải trả ông C số tiền lãi của giai đoạn này là: (191.090.000đồng x 9%/năm x 03 năm) +(191.090.000đồng x 9%/360 ngày x 08 ngày) = 51.976.480 đồng.

Tổng số tiền lãi mà lẽ ra Công ty CP Xây lắp phải trả cho ông C là: 11.288.000 đồng + 51.976.480 đồng = 63.264.480 (làm tròn là 63.264.000 đồng).

Tuy nhiên Công ty CP Xây lắp tự nguyện trả khoản lãi cho ông C là: 96.045.000 đồng nên ghi nhận sự tự nguyện này của bị đơn.

Tổng số tiền Công ty CP Xây lắp phải trả ông C là: 191.090.000đồng (tiền

gốc) + 96.045.000 đồng (Tiền lãi suất phát sinh) = 287.135.000 đồng.

2.2. Quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm:

2.2.1. Xét Quyết định của cấp sơ thẩm: Căn cứ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định việc cấp sơ thẩm cho rằng: Hợp đồng huy động vốn số 03 ngày 10/11/2003 vô hiệu; thời hiệu khởi kiện đã hết; chỉ buộc bị đơn trả lại khoản tiền gốc; ghi nhận bị đơn tự nguyện hỗ trợ nguyên đơn 30.000.000 đồng mà không buộc bị đơn phải chịu lãi suất phát sinh là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm và quy định của pháp luật. Cần sửa bản án sơ thẩm.

2.2.2. Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; Ý kiến trình bày của Luật sư bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn được chấp nhận một phần.

2.2.3. Quan điểm đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Kiểm sát viên không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

2.2.4. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Sửa một phần bản án sơ thẩm số 19/2017/DS-ST ngày 27/12/2017 của TAND quận Hai Bà Trưng.

[3]. Về nghĩa vụ nộp án phí:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 287.135.000 đồng (*Số tiền phải trả cho nguyên đơn*) x 5% = 14.356.750 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 147; Điều 148; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều: 394, 395, 400, 401; khoản 2 và khoản 5 Điều 418 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 290; khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Xử:

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 19/2017/DS-ST ngày 27/12/2017 của TAND quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội và quyết định cụ thể như sau:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Phan Mạnh C đối với Công ty cổ phần xây lắp vật tư kỹ thuật.

2. Chấm dứt Hợp đồng huy động vốn số 03/HĐ-XL ngày 10/11/2003 giữa ông Phan Mạnh C với Công ty cổ phần xây lắp vật tư kỹ thuật.

3. Buộc Công ty cổ phần xây lắp vật tư kỹ thuật phải trả cho ông Phan Mạnh C số tiền 287.135.000 (*Hai trăm tám mươi bảy triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn*) đồng. Trong đó: 191.090.000 đồng tiền gốc và 96.045.000 đồng tiền lãi suất.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên bị thi hành án chưa thi hành thì còn phải chịu lãi đối với khoản tiền chưa thi hành theo mức lãi suất là 10%/năm (Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015).

Về án phí:

Ông Phan Mạnh C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm. Được hoàn lại 8.612.000 (*Tám triệu, sáu trăm mười hai nghìn*) đồng, tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án" số 00101 ngày 19/01/2016 và 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án" số 03504 ngày 18/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Buộc Công ty cổ phần xây lắp vật tư kỹ thuật phải nộp 14.356.750 (*Mười bốn triệu, ba trăm lăm mươi sáu nghìn, bảy trăm lăm mươi*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDTP Hà Nội;*
- *TAND quận H.B.T;*
- *CCTHADS quận H.B.T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ vụ án/V. Phòng.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Hoàng